

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn
thành phố Sóc Trăng giai đoạn 2017 - 2018**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu phí và lộ trình thu phí thoát nước trên địa bàn thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Sóc Trăng giai đoạn 2017 - 2018, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định mức giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng trả tiền dịch vụ thoát nước: Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có xả nước vào hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Sóc Trăng.

3. Hệ thống thoát nước gồm mạng lưới thoát nước (đường ống, cống, kênh, mương, hồ điều hòa...), các trạm bơm thoát nước mưa, nước thải, các công trình xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, chuyển tải, tiêu thoát nước mưa, nước thải, chống ngập úng và xử lý nước thải.

4. Mức thu tiền dịch vụ thoát nước:

- a) Hộ gia đình, cá nhân: 2.600 đồng/m³;
- b) Cơ quan hành chính, sự nghiệp: 2.600 đồng/m³;
- c) Cơ sở kinh doanh dịch vụ: 3.900 đồng/m³;
- d) Cơ sở sản xuất: 5.200 đồng/m³.

5. Khối lượng nước thải thu tiền dịch vụ thoát nước: Được xác định theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (riêng đối với trường hợp các hộ thoát nước không sử

dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được xác định để thu tiền dịch vụ thoát nước áp dụng mức khoán là 4 m³/người/tháng).

6. Đơn vị thu và phương thức thu tiền dịch vụ thoát nước:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Sóc Trăng có trách nhiệm tổ chức thu tiền dịch vụ thoát nước thông qua hóa đơn tiền nước đối với các cơ quan, tổ chức, hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung và được hưởng chi phí dịch vụ trên số thu thực tế.

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công trình Đô thị Sóc Trăng trực tiếp thu tiền dịch vụ thoát nước thông qua biên lai thu tiền theo các quy định của pháp luật về phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung.

7. Quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thoát nước: Nguồn thu từ dịch vụ thoát nước thải được nộp toàn bộ 100% vào ngân sách tỉnh quản lý và sử dụng cho các mục đích:

- a) Chi trả cho hợp đồng quản lý vận hành;
- b) Chi trả cho dịch vụ thu tiền thoát nước bằng 5% trên số thu thực tế;
- c) Đầu tư duy trì và phát triển hệ thống thoát nước.

Điều 2. Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của việc thu tiền dịch vụ thoát nước và vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về thoát nước trên địa bàn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/4/2017 và thay thế Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Sóc Trăng giai đoạn 2015-2016.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công trình Đô thị Sóc Trăng, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước, tỉnh Sóc Trăng và các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: TH, KT, VX, VT. *luc* (21b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thành Trí